

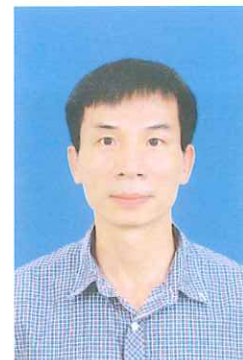
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Khoa học Trái đất – Mỏ**; Chuyên ngành: **Trắc địa**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRẦN ĐÌNH TRỌNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/09/1982; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn số 1106, Nhà NO17-2, khu ĐTM Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Trần Đình Trọng, Phòng 113 nhà A1, khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Số 55 đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại di động: 09 62 75 61 80;

E-mail: trongtd@huce.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 01 năm 2010: Giảng viên, bộ môn Trắc địa, khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
- Từ tháng 01 năm 2010 đến tháng 6 năm 2013: Nghiên cứu sinh, trường Đại học Nice – Sophia Antipolis, Cộng hoà Pháp.

- Từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 3 năm 2020: Giảng viên, bộ môn Trắc địa, khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
- Từ tháng 3 năm 2020 đến nay: Giảng viên chính, bộ môn Trắc địa, khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
- Từ tháng 3 năm 2015 đến nay: Phó trưởng khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
- Từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 02 năm 2016: Phó Trưởng bộ môn, phụ trách bộ môn Trắc địa, khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội.
- Từ tháng 2 năm 2016 đến nay: Trưởng bộ môn, bộ môn Trắc địa, khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn Trắc địa, Phó trưởng khoa Cầu đường.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Cầu Đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 55 đường Giải Phóng, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 38 69 35 75.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày 10 tháng 10 năm 2005; số văn bằng: C706665; ngành: Trắc địa; Chuyên ngành: Trắc địa; Nơi cấp bằng (trường, nước): Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng thạc sỹ ngày 31 tháng 10 năm 2009; số văn bằng: 009421; ngành: Kỹ thuật Trắc địa; chuyên ngành: Trắc địa; Nơi cấp bằng (trường, nước): Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng tiến sỹ ngày 14 tháng 4 năm 2015; số văn bằng: NICE 11112114; ngành: Khoa học Trái đất và Vũ trụ; chuyên ngành: Trắc địa; Nơi cấp bằng (trường, nước): Trường Đại học Nice, Pháp.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa

học Trái đất – Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GNSS trong quan trắc dịch chuyển bề mặt đất.
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và xử lý số liệu đo đạc trong khảo sát địa hình.
- Nghiên cứu xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu địa lý trong quản lý hạ tầng, đất đai đô thị.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn **02** nghiên cứu sinh tiến sỹ (đồng hướng dẫn);
- Đã hướng dẫn **03** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ;
- Đã hướng dẫn **08** đề tài khoa học công nghệ sinh viên: **03** giải Nhất, **04** giải Nhì và **01** giải Ba.
- Đã hoàn thành đề tài khoa học công nghệ: **05** đề tài cấp Trường (chủ nhiệm);
- Đã công bố (số lượng) **44** bài báo khoa học, trong đó có **14** bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín ISI/Scopus (**8** bài là tác giả chính), **1** chương sách của nhà xuất bản Springer, **16** bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước uy tín và **13** bài báo/báo cáo khoa học đăng kỷ yếu các hội thảo trong và ngoài nước có chỉ số ISBN;
- Đã xuất bản sách giáo trình và tài liệu tham khảo: **04** sách, thuộc nhà xuất bản có uy tín: Nhà xuất bản Xây dựng, nhà xuất bản Éditions universitaires européennes;
- Thành viên Hội đồng khoa học khoa Cầu đường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội;
- Thành viên Ban biên tập Tạp chí Khoa học và công nghệ xây dựng, trường Đại học Xây dựng Hà Nội <https://stce.huce.edu.vn/index.php/vn/about/editorialTeam>.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2023 theo Quyết định số 1298/QĐ-ĐHXDHN ngày 25/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng;
- Trong 3 năm học gần đây liên tục là cán bộ viên chức trong hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo các Quyết định số 903/QĐ-ĐHXDHN ngày 30/9/2021, số 860/QĐ-ĐHXDHN ngày 09/8/2022, số 1184/QĐ-ĐHXDHN ngày 11/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn:

- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng lập trường chính trị vững vàng;
- Có chuyên môn được đào tạo phù hợp;

- Có bằng tiến sỹ với chuyên môn phù hợp với công việc đào tạo, có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính;
- Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;
- Có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Theo nhiệm vụ:

- Hoàn thành xuất sắc khối lượng giảng dạy được phân công;
- Hoàn thành vượt khối lượng nghiên cứu khoa học theo quy định;
- Tích cực tham gia xây dựng chương trình đào tạo và các hoạt động nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt pháp luật của Nhà nước, nội quy quy chế của Nhà trường;
- Không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu;
- Phát triển tốt các mối quan hệ hợp tác trong và ngoài nước nhằm phát triển kiến thức chuyên môn của bản thân và góp phần vào hoạt động chung của đơn vị;
- Tôn trọng, đối xử công bằng với người học, bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học, khuyến khích động viên người học để học tập và rèn luyện tốt.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **13 năm 10 tháng** (tính từ tháng 4/2007, không kể thời gian đi học nghiên cứu sinh tại trường Đại học Nice – Sophia Antipolis tại Cộng hoà Pháp).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

STT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				05	642.0		642.0/787.7/202.5
2	2019-2020				06	713.5		713.5/844.4/202.5
3	2020-2021				03	581.0	67.5	581.0/683.9/202.5
3 năm học cuối								
4	2021-2022				04	231.0	67.5	231.0/358.2/189.0
5	2022-2023	01		01		425.4	107.5	425.4/644.5/189.0
6	2023-2024	01		01	02	343.2	67.5	343.2/692.8/189.0

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận án TS tại nước: Pháp, năm 2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Pháp

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

T T	Họ tên NCS / HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Vũ Đông Khang		X	X		3/2022- 11/2022	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Quyết định cấp bằng số 21/QĐ- MĐC ngày 06/01/2023
2	Nguyễn Văn Trí		X	X		9/2022- 6/2023	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Quyết định cấp bằng số 1287/QĐ-MĐC ngày 12/9/2023
3	Trần Xuân Dự		X	X		8/2022- 6/2023	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Quyết định cấp bằng số 906/QĐ- ĐHXDHN ngày 12/8/2022

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang...)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được công nhận học vị tiến sĩ							
...							
II Sau khi được công nhận học vị tiến sĩ							
1	Trắc địa	GT	NXB Xây dựng, 2017	7	Chủ biên	3-37; 141-177	ISBN: 978-604-82-2210-9 Xác nhận sử dụng sách của trường Đại học Xây dựng Hà Nội số 322-XN-ĐHXDHN ký ngày 14/6/2024
2	Trắc địa cao cấp đại cương	GT	NXB Xây dựng, 2017	1	Chủ biên	Viết một mình	ISBN: 978-604-82-2211-6 Xác nhận sử dụng sách của trường Đại học Xây dựng Hà Nội số 321-XN-ĐHXDHN ký ngày 14/6/2024
3	Analyse rapid et robust des solutions GPS pour la tectonique	TK	NXB Éditions universitaires européennes, 2017	1	Chủ biên	Viết một mình	ISBN: 978-3-8416-7279-7 Xác nhận sử dụng sách của trường Đại học Xây dựng Hà Nội số 323-XN-ĐHXDHN ký ngày 14/6/2024
4	Bản đồ và Công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ	TK	NXB Xây dựng, 2022	6	Đồng chủ biên	15-92	ISBN: 978-604-82-6649-3 Xác nhận sử dụng sách của trường Đại học Xây dựng Hà Nội số 324-XN-ĐHXDHN ký ngày 14/6/2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: : [].....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Trách nhiệm (CN/TK)	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại
I	Trước khi được công nhận học vị tiến sĩ				
1	Đề tài: Sử dụng lịch vệ tinh chính xác xử lý số liệu đo lưới GPS cạnh ngắn	CN	Mã số 33-2007/KHXD; Cấp trường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội	1 năm	Quyết định số 14/QĐ-KHCN ngày 04/01/2008, xếp loại Khá
2	Đề tài: Khả năng ứng dụng chức năng đo không gương của toàn đạc điện tử khi thành lập bình đồ tỷ lệ lớn khu vực có địa hình phức tạp	CN	Mã số 38-2008/KHXD; Cấp trường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội	1 năm	Quyết định số 15/QĐ-KHCN ngày 07/01/2009, xếp loại Tốt
II	Sau khi được công nhận học vị tiến sĩ				
3	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng các chương trình tính toán trắc địa phục vụ học tập, giảng dạy các môn học chuyên ngành Trắc địa xây dựng – Địa chính	CN	Mã số 19-2016/KHXD; Cấp trường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội	1 năm	Quyết định số 1747/QĐ-KHCN ngày 27/12/2016, xếp loại Tốt
4	Đề tài: Khảo sát độ chính xác của công nghệ GPS RTK	CN	Mã số 28-2018/KHXD; Cấp trường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội	1 năm	Quyết định số 1656/QĐ-ĐHXD ngày 28/12/2018, xếp loại Tốt
5	Đề tài: Nghiên cứu phát triển và hoàn thiện phần mềm xử lý số liệu quan trắc lún công trình	CN	Mã số 22-2019/KHXD; Cấp trường, trường Đại học Xây dựng Hà Nội	1 năm	Quyết định số 1605/QĐ-ĐHXD ngày 31/12/2019, xếp loại Tốt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
I TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ TIÊN SỸ									
A Bài báo đăng trên Kỷ yếu hội thảo quốc tế, quốc gia có chỉ số ISBN									
1	Khả năng đo khoảng cách của máy toàn đạc điện tử TRC405 với chế độ đo không gương	2		Tuyển tập Báo cáo Hội nghị KHCN trường Đại học Xây dựng lần thứ XV			Tập 1, trang 165-171	2006	Hướng nghiên cứu 2
2	Khả năng nâng cao độ chính xác đo tọa độ ảnh trên trạm đo ảnh số	2		Tuyển tập công trình khoa học Mô Địa chất			Trang 119-120	6/2006	Hướng nghiên cứu 2
3	Một số vấn đề về độ chính xác của công nghệ đo ảnh số	2		Tuyển tập công trình khoa học Mô Địa chất			Trang 121-123	6/2006	Hướng nghiên cứu 2
B Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước									
4	Bình sai lưới GPS trong hệ tọa độ vuông góc không gian địa diện chân trời địa phương	2		Tạp chí Khoa học Công nghệ Xây dựng (Viện Khoa học công nghệ Xây dựng) ISSN: 1859-1566		2	Số 2/2010, trang 51-55	02/2010	Hướng nghiên cứu 2
II SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN HỌC VỊ TIÊN SỸ									
A Bài báo đăng trên Kỷ yếu hội thảo quốc gia có chỉ số ISBN									
5	Xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu GIS hệ thống thoát nước thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	4	X	Tuyển tập báo cáo hội nghị KH&CN Trường ĐH Xây dựng lần thứ 17. ISBN: 978-604-82-1982-6			Tập 1, trang 147-154	2016	Hướng nghiên cứu 3
6	Ứng dụng ngôn ngữ lập trình Python trong tính toán bình sai trắc địa	4	X	Kỷ yếu Hội nghị KH&CN lần thứ 15 Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. ISBN: 978-604-73-5642-3			Trang 21-28	10/2017	Hướng nghiên cứu 2

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
7	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của các trị đo mặt đất đến độ chính xác bình sai lưới GNSS	3		Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia về công nghệ địa không gian trong khoa học trái đất và môi trường NCGEE 2021. <i>ISBN 978-604-913-248-3</i>			NCGE E 2021, trang 55-60	2021	Hướng nghiên cứu 2
8	Khung kế hoạch hành động thực hiện để phát triển và đẩy mạnh quản lý nguồn tài nguyên thông tin dữ liệu không gian địa lý tích hợp	6		Tuyển tập báo cáo khoa học Nghiên cứu ứng dụng, phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia: Vai trò của đo đạc và bản đồ hiện đại <i>ISBN: 978-604-952-659-6</i>			Trang 17-26	11/2021	Hướng nghiên cứu 3
9	Đánh giá thuật toán BeamForming và MUSIC trong ước lượng vận tốc xuyên tâm của dòng chảy bề mặt biển trích xuất từ dữ liệu radar mảng tần số cao	7		Kỷ yếu Hội nghị toàn quốc trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững (ESSD 2023) <i>ISBN: 978-604-357-178-3</i>			ESSD 2023, trang 1 - 11	9/2023	Hướng nghiên cứu 2
10	Đánh giá độ chính xác xử lý số liệu trạm CORS Việt Nam theo phương pháp PPP online sử dụng dịch vụ CSRS-PPP	3		Kỷ yếu Hội nghị toàn quốc trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững (ESSD 2023) <i>ISBN: 978-604-357-178-3</i>			ESSD 2023, trang 202-212	9/2023	Hướng nghiên cứu 1
B	Bài báo đăng trên Kỷ yếu hội thảo quốc tế có chỉ số ISBN								
11	First-order theory of perturbed orbit calculating	7		Proceeding of the 2016 International			ESAS GD 2016,	11/2016	Hướng nghiên cứu 1

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
				Conference on Earth Sciences and sustainable Geo-resources development (ESASGD 2016) ISBN: 978-604-76-1171-3			pp 378-383		
12	Appication of the multi-temporal Landsat in measuring changes of coal mining area: a case study at Ha Tu Mine, Quang Ninh	5		Proceedings of International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources (GTER 2017) ISBN: 978-604-913-618-4			GTER 2017, pp 377-380	10/2017	Hướng nghiên cứu 3
13	Retrieval and evaluation of aerosol optical depth (AOD) MCD19A2 product 1km spatial resolution from modis remote sensing imagery over urban areas	8		Proceeding of International Conference "Technology in Natural Disaster Prevention and Risk Reduction" ISBN: 978-604-3-57070-0			pp 255-263	08/2022	Hướng nghiên cứu 3
C Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, chương sách của NXB quốc tế uy tín									
14	Motion of continental slivers and creeping subduction in the northern Andes	20		Nature geoscience ISSN: 1752-0908 DOI: https://doi.org/10.1038/ngeo2099	SCIE, Q1, IF = 5.87	247	7, pp 287-291	3/2014	Hướng nghiên cứu 1
15	A mixed seismic-aseismic stress release episode in the	9		Nature geoscience ISSN: 1752-0908	SCIE, Q1, IF = 5.87	53	9, pp 150-154	12/2015	Hướng nghiên cứu 1

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
	Andean subduction zone			DOI: https://doi.org/10.1038/ngeo2620					
16	Present-day uplift of the western Alps	12		Scientific Reports ISSN: 2045-2322 DOI: https://doi.org/10.1038/srep28404	SCIE, Q1, IF = 0.9	94	6, 28404	6/2016	Hướng nghiên cứu 1
17	Impact of the precise ephemeris on accuracy of GNSS baseline in relative positioning technique	4	X	Vietnam journal of earth sciences ISSN: 0866-7187 DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7187/15745	ESCI, Scopus, Q2, IF = 0.39	4	43(1), pp 96–110	2020	Hướng nghiên cứu 1
18	GNSS/CORS-Based Technology for Real-Time Monitoring of Landslides on Waste Dump – A Case Study at the Deo Nai South Dump, Vietnam	3	X	Inżynieria mineralna- Journal of the Polish mineral engineering society ISSN: 1640-4920 DOI: http://doi.org/10.29227/IM-2020-02-23	ESCI, Scopus, Q4, IF = 0.16		2(1), pp 181-191	9/2020	Hướng nghiên cứu 1
19	General Geometric Model of GNSS Position Time Series for Crustal Deformation Studies – A Case Study of CORS Stations in Vietnam	2	X	Inżynieria mineralna- Journal of the Polish mineral engineering society ISSN: 1640-4920 DOI: http://doi.org/10.29227/IM-	ESCI, Scopus, Q4, IF = 0.16	1	1(2), pp 183-197	9/2021	Hướng nghiên cứu 1

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
				2021-02-16					
20	Prediction of ground subsidence due to underground mining through time using multilayer feed-forward artificial neural networks and back-propagation algorithm – case study at Mong Duong underground coal mine (Vietnam)	4		Mining Science and Technology(Russian Federation) ISSN 2500-0632 DOI: https://doi.org/10.17073/2500-0632-2021-4-241-251	Scopus, Q1, IF = 0.77	8	6(4), PP 241–251	12/2021	Hướng nghiên cứu 2
21	Mapping vulnerability water supply in Rach Gia city due to saline intrusion on using analytical hierarchy process	5		Sustainable Water Resources Management ISSN: 2363-5037 DOI: https://doi.org/10.1007/s40899-022-00712-2	ESCI, Scopus, Q2, IF = 0.46	1	8, 137	8/2022	Hướng nghiên cứu 3
22	Determination of Helmert transformation parameters for continuous GNSS networks: a case study of the Géoazur GNSS network	4	X	Geo-spatial Information Science ISSN: 1009-5020 DOI: https://doi.org/10.1080/10095020.2022.2138569	SCIE, Q1, IF = 1.1	2	26(1), PP 125–138	11/2022	Hướng nghiên cứu 1
23	Crustal displacement in Vietnam using CORS data during 2018 - 2021	4	X	Earth Sciences Research Journal ISSN: 1794-6190 DOI: https://doi.org/10.15446/esrj.v2	SCIE, Q3, IF = 0.23	4	27(1), pp 27 - 36	3/2023	Hướng nghiên cứu 1

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
				7n1.102630					
24	Applying GIS and Geospatial Measurement Technologies in Construction Data Management in Vietnam: A Case Study of Hanoi University of Civil Engineering's Campus	3	X	International Journal of Geoinformatics ISSN: 2673-0014 DOI: https://doi.org/10.52939/ijg.v19i9.2879	Scopus, Q3, IF = 0.22	1	19(10), pp 40-50	10/2023	Hướng nghiên cứu 3
25	Prediction of underground mining-induced subsidence: Artificial neural network based approach	4	X	Mining of Mineral Deposits ISSN: 2415-3443 DOI: https://doi.org/10.33271/mining.17.04.045	ESCI, Scopus, Q1, IF = 0.82	3	17(4), pp 45-52	12/2023	Hướng nghiên cứu 2
26	Solution of inclinometer data processing for horizontal displacement: A case study of basement diaphragm wall monitoring in Vietnam	3	X	Reports on Geodesy and Geoinformatics ISSN: 2391-8152 DOI: https://doi.org/10.2478/rgg-2023-0012	ESCI		116, pp 69-76	12/2023	Hướng nghiên cứu 2
27	Assessing the Effect of Open-pit Mining Activities and Urbanization on Fine Particulate Matter (PM2.5) Concentration by Using Remote Sensing Imagery:	7	X	Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences. GTER 2022. Environmental Science and Engineering. Springer, Cham.	Scopus, Q4, IF = 0.12	1	pp 75-94	2023	Hướng nghiên cứu 3

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
	A Case Study in Binh Duong Province, Vietnam			ISSN 1863-5520 DOI: https://doi.org/10.1007/978-3-031-20463-0_5					
28	Improving the forecast performance of landslide susceptibility mapping by using ensemble gradient boosting algorithms	6		Environment, Development and Sustainability ISSN: 1387-585X DOI: https://doi.org/10.1007/s10668-024-04694-3	SCIE, Q1, IF = .89		pp 1-35	3/2024	Hướng nghiên cứu 3
29	Automatic Detection and Analysis of Offsets in GNSS Position Time Series Using RMS Sliding-Window Method and Synthetic Model	1	X	Inżynieria mineralna- Journal of the Polish mineral engineering society ISSN: 1640-4920 DOI: http://doi.org/10.29227/IM-2024-01-97	ESCI, Scopus, Q4, IF = 0.16		pp 89-98	6/2024	Hướng nghiên cứu 1
D Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước									
30	Phương pháp Dikin phát hiện trị đo chứa sai số thô	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) ISSN: 0866-708X			52(4B), trang 519-526	9/2014	Hướng nghiên cứu 2

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
31	Mô hình web-GIS quản lý cơ sở dữ liệu nhà ở xã hội	4	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCNXD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-9058			30, trang 90-94	8/2016	Hướng nghiên cứu 3
32	Phát hiện trị dị thường trong chuỗi trị đo vị trí điểm GNSS liên tục	7	X	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ (Đại học QG TP HCM) ISSN: 1859-0128 DOI: https://doi.org/10.32508/st.dj.v19i2.665			19(2), trang 43-50	8/2016	Hướng nghiên cứu 1
33	Ứng dụng ảnh viễn thám độ phân giải siêu cao trong cập nhật thông tin trên bản đồ địa chính, thí điểm tại Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	5		Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Trường Đại học Mỏ - Địa chất) ISSN: 1859-1469			58(6), trang 92-98	2017	Hướng nghiên cứu 3
34	Khảo sát khả năng thành lập bình đồ đáy hồ bằng tàu không người lái (USV) tại Khu vực Hồ đền Lừ, Thành phố Hà Nội	5		Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Trường Đại học Mỏ - Địa chất) ISSN: 1859-1469		1	60(4), trang 41-48	2019	Hướng nghiên cứu 2
35	Đánh giá tác động của lớp phủ đến nhiệt độ bề mặt đất và phân bố không gian nhiệt độ tại một số tuyến đường trên địa bàn thành phố	4	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCNXD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-9058 DOI: https://doi			15(7V), trang 143-155	2021	Hướng nghiên cứu 3

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
	Hà Nội bằng ảnh viễn thám			.org/10.31814/stce.huce(nuce)2021-15(7V)-13					
36	Nghiên cứu các phương án xử lý kết hợp số liệu của nhiều hệ thống định vị vệ tinh trong mạng lưới GNSS	5		Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCNXD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-9058 DOI: https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2021-15(7V)-14		1	15(7V), trang 156-166	2021	Hướng nghiên cứu 1
37	Nghiên cứu chế độ bay UAV trong khảo sát địa hình công trình dạng tuyến - ứng dụng cho đoạn đường đê Xuân Quan, Hà Nội	7		Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCNXD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-9058 DOI: https://doi.org/10.31814/stce.huce(nuce)2021-15(7V)-12			15(7V), trang 131-142	2021	Hướng nghiên cứu 2
38	Phát hiện ngoại lai trong chuỗi tọa độ GNSS bằng máy học	2	X	Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Trường Đại học Mỏ - Địa chất) ISSN: 1859-1469 DOI:10.46326/JMES.2023.64(4).03			64(4), trang 22-30	2023	Hướng nghiên cứu 1
39	So sánh phương pháp phân tích thứ bậc (AHP) và tỷ số tần suất (FR) trong đánh giá tính nhạy cảm với trượt lở đất. Trường hợp	11		Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Trường Đại học Mỏ - Địa chất) ISSN: 1859-1469			64(2), trang 79-90	2023	Hướng nghiên cứu 3

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
	nghiên cứu tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái			DOI:10.46326/JMES.2023.64(2).08					
40	Nghiên cứu giải pháp đánh giá ô nhiễm không khí khu vực khai thác mỏ đất đắp bằng dữ liệu Sentinel-5P Tropomi	8		Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCNXD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-9058 DOI: https://doi.org/10.31814/10.31814/stce.huace(nuce)2023-17(1V)-06			17 (1V), trang 62–74	2023	Hướng nghiên cứu 3
41	Effect of the low-order coefficients of the Earth gravity model in calculating the satellite orbit	2	X	Journal of Mining and Earth Sciences (Trường Đại học Mỏ - Địa chất) ISSN: 1859-1469 DOI:10.46326/JMES.2023.64(3).10			64(3), pp 90-98	2023	Hướng nghiên cứu 1
42	Kết hợp GNSS, cảm biến gia tốc và giải pháp IoT trong quan trắc cầu thời gian thực	3		Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCNXD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-9058 DOI: https://doi.org/10.31814/stce.huce2023-17(4V)-12			17 (4V), trang 139–151	2023	Hướng nghiên cứu 2
43	Nghiên cứu xác định thời gian tắt dần sau động đất trong chuỗi tọa độ GNSS liên tục	2	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCNXD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-			17 (3V), trang 35–46	2023	Hướng nghiên cứu 1

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Ghi chú
				9058 DOI: https://doi.org/10.31814/stce.huce2023-17(3V)-03					
44	Nghiên cứu tính khối lượng xúc bốc tại mô lộ thiên từ đám mây điểm 3D thành lập bằng ảnh máy bay không người lái	3	X	Tạp Chí Khoa Học Công Nghệ Xây Dựng (TCKHCN XD) – ĐHXDHN ISSN: 2615-9058 DOI: https://doi.org/10.31814/stce.huce2024-18(2V)-08			18 (2V), trang 92–101	2024	Hướng nghiên cứu 2
45	Study on the positioning efficiency of GNSS RTK for road profile surveys - case study in Vietnam	2	X	Journal of Science and Technology in Civil Engineering (JSTCE) – HUCE ISSN: 2615-9058 https://doi.org/10.31814/stce.huce2024-18(2)-07			18(2), 86-98	2024	Hướng nghiên cứu 2

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được công nhận học vị tiến sỹ: 9 bài (số thứ tự 17, 18, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 29) và 01 chương sách (số thứ tự 27) của nhà xuất bản quốc tế Springer.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được

cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo	Vai trò của UV	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo - Tiểu ban Kỹ thuật xây dựng và Công trình biển	Tham gia	Quyết định số 895/QĐ-ĐHXDHN ngày 08/8/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Hà Nội về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đại học	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Quyết định số 746/QĐ-ĐHXDHN ngày 13/6/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Hà Nội về việc ban hành chương trình đào tạo đại học	
2	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị thuộc ngành Quản lý xây dựng	Ủy viên	Quyết định số 613/QĐ-ĐHXDHN ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Hà Nội về việc thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị thuộc ngành Quản lý xây dựng (Mã số 7580302_03)	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội	Quyết định số 728/QĐ-ĐHXDHN ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng Hà Nội về việc ban hành chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản lý hạ tầng, đất đai đô thị, thuộc ngành Quản lý	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Trần Đình Trọng